



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

12. DVĀDASANIPĀTO

12. 1. 1.

608. Sīlamevidha sikkhetha asmiṃ loke susikkhitam,
sīlam hi sabbasampattiṃ upanāmeti sevitam.
609. Sīlam rakkheyya medhāvī patthayāno tayo sukhe,
paṣaṃsaṃ vittilābham ca pecca sagge ca modanam.¹
601. Sīlavā hi bahū mitte saññamenādhigacchati,
dussīlo pana mittehi dhamṣate pāpamācaram.
611. Avaṇṇam ca akittiṃ ca dussīlo labhate naro,
vaṇṇam kittiṃ paṣaṃsaṃ ca sadā labhati sīlavā.
612. Ādi sīlam patiṭṭhā ca kalyāṇānam ca mātukam,
pamukham sabbadhammānam tasmā sīlam visodhaye.
613. Velā ca saṃvaro sīlam² cittassa abhihāsanam,³
tittham ca sabbabuddhānam tasmā sīlam visodhaye.
614. Sīlam balam appaṭimaṃ sīlam āvudhamuttamaṃ,
sīlamābharaṇam seṭṭham sīlam kavacamabbhutam.
615. Sīlam setu mahesakkho sīlam gandho⁴ anuttaro,
sīlam vilepanam seṭṭham yena vāti disodisaṃ.
616. Sīlam sambalamevaggam sīlam pātheyyamuttamaṃ,
sīlam seṭṭho ativāho yena yāti disodisaṃ.
617. Idheva nindam labhati peccāpāye ca dummano,
sabbattha dummano bālo sīlesu asamāhito.
618. Idheva kittiṃ labhati pecca sagge ca summano,
sabbattha sumano dhīro sīlesu susamāhito.
619. Sīlameva idha aggaṃ paññavā pana uttamo,
manussesu ca devesu sīlapaññāṇato jayan ”ti.

Ittham sudaṃ āyasmā sīlavo thero gāthāyo abhāsittā ”ti.

Sīlavattheragāthā.

¹ sagge pamodanam - Ma, Syā.

² saṃvaraṃ sīlam - Ma, Syā, PTS.

³ abhihāsanam - PTS.

⁴ sīlagandho - Sīmu 1, 2.

12. NHÓM MUỖI HAI KỆ NGÔN:

12. 1. 1.

608. Ở đây, nên học tập chủ yếu về giới, bởi vì ở thế gian này, giới đã được học tập kỹ lưỡng, đã được thực hành, đem lại mọi sự thành tựu.

609. Bậc thông minh nên hộ trì giới, trong khi ước nguyện ba điều hạnh phúc: sự khen ngợi, sự đạt được tài sản, và sự vui sướng ở cõi trời sau khi chết.

610. Bởi vì người có giới đạt được nhiều bạn bè do sự tự kiềm chế; trái lại người có giới tồi, trong khi làm điều xấu xa, bị các bạn bè xa lánh.

611. Người có giới tồi nhận chịu sự mất thể diện và tiếng xấu, còn người có giới luôn luôn đạt được thể diện, danh thơm, và sự khen ngợi.

612. Giới là gốc, là điểm tựa, và là nguồn sanh ra các điều tốt đẹp, đứng đầu tất cả các pháp; vì thế nên làm cho giới được trong sạch.

613. Giới là sự ngăn chặn, sự thu thúc, sự hứng khởi của tâm, và là điểm khởi đầu của tất cả chư Phật; vì thế nên làm cho giới được trong sạch.

614. Giới là sức mạnh không thể sánh bằng, giới là vũ khí tối thượng, giới là vật trang sức hạng nhất, giới là tấm áo giáp phi thường.

615. Giới là cây cầu có năng lực vĩ đại, giới là hương thơm vô thượng, giới là vật thoa hạng nhất, nhờ vào giới mà thoĩ khắp các phương.

616. Giới quả là vật dự phòng cao cả, giới là hành trang tối thượng, giới là vật chuyên chở hạng nhất, nhờ vào giới mà đi khắp các phương.

617. Kẻ ngu si, không chăm chú ở các giới, nhận chịu sự quả trách ngay ở đời này và bị rầu rĩ ở địa xứ sau khi chết, bị rầu rĩ ở khắp mọi nơi.

618. Người sáng trí, khéo chăm chú ở các giới, nhận lãnh danh thơm ngay ở đời này và được tươi vui ở cõi trời sau khi chết, được tươi vui ở khắp mọi nơi.

619. Ở đây chỉ có giới là cao cả, tuy nhiên người có trí tuệ là tối thượng, ở giữa loài người và chư Thiên chiến thắng là nhờ vào giới và trí tuệ.”

Đại đức trưởng lão Sīlava đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Sīlava.

12. 1. 2.

620. Nīce kulamhi jāto 'haṃ daḷiddo appabhojano,
hīnakammaṃ¹ mamaṃ āsi ahosiṃ pupphachaḍḍako.
621. Jigucchito manussānaṃ paribhūto ca vambhito,
nīcaṃ manaṃ karitvāna vandisaṃ² bahukaṃ janamaṃ.
622. Athaddasāsiṃ sambuddhaṃ bhikkhusaṅghapurakkhataṃ,
pavisantaṃ mahāvīraṃ magadhānaṃ puruttamaṃ.
623. Nikkhipitvāna vyābhaṅgiṃ vanditum upasaṅkamaṃ,
mameva anukampāya aṭṭhāsi purisuttamo.
624. Vanditvā satthuno pāde ekamantaṃ t̥hito tadā,
pabbajjaṃ ahamāyāciṃ sabbasattānamuttamaṃ.
625. Tato kāruṇiko satthā sabbalokānukampako,
ehi bhikkhūti maṃ āha sā me āsūpasampadā.
626. So 'haṃ eko araṇṇasmiṃ viharanto atandito,
akāsiṃ satthu vacanaṃ yathā maṃ ovaḍi jino.
627. Rattiyā paṭhamaṃ yāmaṃ pubbajātimanussariṃ,
rattiyā majjhimamaṃ yāmaṃ dibbacakkhumaṃ visodhayiṃ,³
rattiyā pacchime yāme tamokhandhaṃ padālayiṃ.
628. Tato ratyā vivasane⁴ suriyassuggamanaṃ pati,
indo brahmā ca āgantvā maṃ namassiṃsu pañjalī.
629. Namo te purisājaṇṇa namo te purisuttama,
yassa te āsavā khīṇā dakkhiṇeyyosi mārīsa.
630. Tato disvāna maṃ satthā devasaṅghapurakkhataṃ,
sitamaṃ pātukaritvāna imamatthaṃ abhāsatha.
631. Tapena brahmacariyena saṇṇamena damena ca,
etena brāhmaṇo hoti etaṃ brāhmaṇamuttaman ”ti.
- Itthaṃ sudaṃ āyasmā sunīto thero gāthāyo abhāsitthā ”ti.

Dunītattheragāthā.

TASSUDDĀNAṃ

Sīlavā ca sunīto ca therā dve te mahiddhikā
dvādasamhi nipātamhi gāthāyo catuvīsasatī ”ti.

Dvādasanipāto niṭṭhito.

--ooOoo--

¹ hīnaṃ kammaṃ - Syā, PTS.

² vandissaṃ - Ma, Syā, PTS, Sīmu 1, 2, Pa.

³ visodhitaṃ - PTS.

⁴ vivasāne - Ma, Sīmu 1, 2.

12. 1. 2.

620. Bị sanh ra ở gia đình thấp kém, tôi là nghèo khó, có ít thức ăn, nghề nghiệp của tôi đã là hạ tiện, tôi đã là người đổ rác hoa.

621. Đối với mọi người, tôi bị nhòm góm, bị xem thường, và bị khinh miệt. Sau khi làm cho tâm hạ thấp xuống, tôi đã lễ bái nhiều người.

622. Rồi tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đại Hùng, được hội chúng tỳ khưu tôn vinh, đang đi vào thành phố tối thượng Magadha.

623. Sau khi đặt đòn gánh xuống, tôi đã đến gần để lễ bái. Vì lòng thương tưởng đến chính tôi, bậc Tối Thượng Nhân đã đứng lại.

624. Khi ấy, sau khi đánh lễ hai bàn chân của bậc Đạo Sư, tôi đã đứng ở một bên. Tôi đã cầu xin bậc Tối Thượng của tất cả chúng sanh về việc xuất gia.

625. Sau đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư, đấng Thương Tưởng tất cả thế gian, đã nói với tôi rằng: ‘Này tỳ khưu, hãy đến;’ việc ấy đã là sự tu lên bậc trên của tôi.

626. Tôi đây, một mình, trong khi sống ở trong rừng, không biếng nhác, đã thực hành lời dạy của bậc Đạo Sư, giống như đấng Chiến Thắng đã giáo huấn tôi.

627. Vào canh thứ nhất của đêm, tôi đã nhớ lại đời sống trước đây. Vào canh giữa của đêm, tôi đã làm trong sạch Thiên nhãn. Vào canh cuối của đêm, tôi đã phá tung khối đen tối.

628. Sau đó, vào lúc cuối đêm cho đến lúc mọc lên của mặt trời, vị Trời Inda và đấng Brahmā, sau khi đi đến, đã cúi chào tôi, với tay chấp lại.

629. ‘Thưa bậc siêu nhân, xin kính lễ ngài. Thưa bậc tối thượng nhân, xin kính lễ ngài. Các lậu hoặc của ngài đây đã cạn kiệt. Bạch ngài, ngài là bậc xứng đáng được cúng dường.’

630. Kể đó, bậc Đạo Sư, sau khi nhìn thấy tôi được tập thể chư Thiên tôn vinh, đã để lộ nụ cười, rồi đã nói ý nghĩa này:

631. ‘Do khổ hạnh, do thực hành Phạm hạnh, do kiềm chế bản thân, và do rèn luyện, do điều này mà trở thành Bà-la-môn; tư cách Bà-la-môn này là tối thượng.’”

Đại đức trưởng lão Dunīta đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Dunīta.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

“Hai vị trưởng lão Sīlava và Sunīta ấy có đại thần lực, ở nhóm mười hai có hai mươi bốn câu kệ.”

Nhóm Mười Hai Kệ Ngôn được chấm dứt.

--ooOoo--